

Số: /ĐA-UBND

*Bình Phước, ngày tháng năm 2021*

**(Dự thảo lần 2)**

**ĐỀ ÁN**

**Xây dựng chính sách hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch,  
hỗ trợ các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.**

**PHẦN I  
PHẦN MỞ ĐẦU**

Với tiềm năng, lợi thế lớn về quy mô sản xuất, khí hậu, thổ nhưỡng, kỹ thuật canh tác và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa (điều, hồ tiêu, cây cao su, cây ăn trái và chăn nuôi (heo, gà, dê)...; các ngành hàng này đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm; công tác quy hoạch vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi từng bước tạo chỗ đứng vững chắc tại thị trường trong nước, thế giới; Trước xu thế tiêu dùng trong nước, quốc tế về nông sản sạch ngày càng cao, ổn định khoảng 20 %/ năm và dịch chuyển từ mua tại chợ truyền thông qua các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, mua online...tăng trưởng khoảng 30% năm đối với sản phẩm từ hạt Điều, cây trái cây và chăn nuôi heo, gà...; Bên cạnh đó, các tổ chức sản xuất nông nghiệp sạch điển hình như: Mô hình sản xuất rau an lá (HTX nông nghiệp Minh Hưng), mô hình cây ăn trái (HTX sầu riêng Bàu Nghé, HTX Phước Thiện, Nông Thành Phát, Hồng Nịp...); mô hình sản xuất Dưa Lưới, rau thủy canh (HTX Nguyên Khang-Garden, HTX Tân Quan), mô hình sản xuất Điều hữu cơ (HTX Đồng Xanh, HTX Đồng Nai)...đã từng bước khẳng định thương hiệu, tiêu thụ tại các siêu thị lớn và liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Tuy nhiên, (1) trong giai đoạn 2016-2020 các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ thông qua các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún, tự phát, thiếu định hướng về tổ chức sản xuất, chất lượng chưa cao, sản xuất chưa chú trọng đến thị trường tiêu thụ, chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại ...(2) ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ thông qua các hợp tác xã rất ít, thiếu đồng bộ trọng tâm, trọng điểm và năng lực về tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc đối với các hợp tác xã nông nghiệp chưa được quan tâm. (3) thực tiễn sản xuất, lưu thông, tiêu thụ nông sản khi chính phủ áp dụng Chỉ thị 16 thể hiện rất rõ những hạn chế của tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện nay của tỉnh là sản xuất nhỏ, manh mún, không có tiêu chuẩn, áp dụng công nghệ thông tin, thị trường rất hạn chế và rất

thiếu nguồn lực, vật lực khâu sơ chế, chế biến và thương mại điện tử. Do đó trước diễn biến dịch, bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường chúng ta phải đẩy nhanh, mạnh hơn nữa việc tổ chức lại tổ chức sản xuất, sản xuất phải theo tiêu chuẩn, sản xuất cái thị trường cần và sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử... thì việc *xây dựng chính sách hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước* là cấp thiết.

## PHẦN II.

### NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### 1. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG CÓ LIÊN QUAN

- Nhóm chính sách ưu đãi về thuế, đất đai trong sản xuất nông nghiệp;
- Một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ);
- Cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ) với một số điểm chính như: Tại Chương III điều 14 nguồn vốn hỗ trợ quy định “1. Ngân sách trung ương dành khoản ngân sách tương đương tối thiểu 5% vốn đầu tư phát triển hàng năm cho ngành nông nghiệp; **ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương hàng năm cho ngành nông nghiệp để thực hiện....**, Ngoài ra, các bộ ngành và địa phương được sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ doanh.
- Chính sách về Khuyến nông (Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ).
- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).
- Chính sách về nông nghiệp hữu cơ (Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ).
- Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 (Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).
- Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp (Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## **II. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH**

- Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

- Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (*trong đó ưu tiên về Chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn tại Chương V*).

- Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 08/5/2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 9/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Bên cạnh đó còn có các Nghị Quyết của Tỉnh ủy như: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 15/4/2020 của Tỉnh ủy về phát triển ngành điều Bình Phước giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030...

## **PHẦN III**

### **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH CHO HỢP TÁC XÃ CỦA TỈNH HIỆN NAY**

#### **1. Tình hình chung**

- Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh trong những năm vừa qua luôn được Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm; tác động mạnh mẽ đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn trái, phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn với chuỗi giá trị, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến<sup>1</sup>.

---

1 Đến đến năm 2020, tổng diện tích cây trồng đạt 466.300 ha. Trong đó diện tích cây cao su khoảng 242.500ha, điều 181.000ha, hồ tiêu 14.500ha, cà phê 16.859 ha, cây ăn quả 10.940 ha; Có 371 trang trại chăn nuôi heo, gia cầm (282 trang trại heo và 89 trang trại gia cầm). Chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp chiếm trên 90,43%; có 182/371 trang trại chăn nuôi theo mô hình chuồng kín, ứng dụng công nghệ cao. Tổng đàn gia súc có 937.950 con; tổng đàn gia cầm có 7,80 triệu con và tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 20,5% kinh tế của tỉnh.

- Công tác quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn trái, phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn với chuỗi giá trị, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến từng bước khẳng định được vị trí, vai trò trong cơ cấu của tỉnh ngành nông nghiệp.

- Trình độ sản xuất, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nông nghiệp được nâng lên;

- Tỉnh đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp đến nay đã phát huy hiệu quả tích cực.<sup>2</sup>

- Sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh đã được chú trọng đầu tư và bước đầu có kết quả khả quan, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chuỗi sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm đem lại hiệu quả và thu nhập cao hơn cho người nông dân.

- Chăn nuôi chuyên biến rõ nét cả về quy mô và tổ chức sản xuất, từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi công nghiệp, quy mô lớn, theo chuỗi giá trị; các cơ sở chăn nuôi lớn theo hình thức công nghiệp, hiện đại được hình thành và chiếm tỷ trọng cao; liên kết, khép kín từ chế biến thức ăn, sản xuất con giống đến chăn nuôi, giết mổ và tiêu thụ.

## **2. Một số kết quả đạt được trong thời gian qua**

- Giá trị sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp (theo giá cố định 2010) năm 2020 đạt 28.780,104 tỷ đồng . Trong đó: Nông nghiệp đạt 28.631,958 tỷ đồng, lâm nghiệp đạt 38,885 tỷ đồng và thủy sản đạt 109,261 tỷ đồng.

- Về cơ cấu: Trồng trọt (chiếm 77,6%), chăn nuôi (chiếm 22,4%), lâm nghiệp (chiếm 0,13%) và thủy sản (chiếm 0,38%).

- Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm chung toàn tỉnh: 74,79%.

- Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: đã có 60/90 xã về đích nông thôn mới và 8/90 xã về đích nông thôn mới nâng cao.

- Toàn tỉnh hiện có 171 Hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã đăng ký hoạt động trên địa bàn đang hoạt động trên địa bàn. Tổng số vốn điều lệ theo giấy phép đăng ký kinh doanh của các HTX nông, lâm nghiệp là khoảng 839 tỷ đồng, với khoảng 4.000 thành viên.

- Có 80 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng sạch, an toàn đạt chứng nhận tiêu chuẩn như: Vietgap, globalgap, hữu cơ Mỹ/EU, Rainsforest với diện tích 5.000 ha. Tập trung tại các cây trồng chủ lực của tỉnh như: Hồ tiêu, Điều, cây ăn trái.

---

2 . Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch gắn với hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, tiêu thụ sản phẩm tiêu biểu của tỉnh như: chăn nuôi heo an toàn sinh học của HTX An Phú (xã An Phú; gà của HTX Thanh Lương (xã Thanh Lương) thị xã Bình Long; hồ tiêu hữu cơ của HTX Đak O xã Đak O, huyện Bù Gia Mập, điều hữu cơ của HTX Đồng Xanh (xã Đak Nhau), HTX Đồng Nai (xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng), rau thủy canh, rau ăn lá của HTX Nguyễn Khang-Garden (xã Bình Tân, huyện Phú Riềng); HTX Tân Quan (xã Tân Quan huyện Hớn Quản)...

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): có 10 đơn vị được cấp Giấy chứng nhận OCOP với 30 sản phẩm. Trong đó: Có 06 sản phẩm đạt 03 sao và 24 sản phẩm đạt 4 sao.

### **3. Một số đánh giá về mô hình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã**

#### **a. Thuận lợi**

- Các chính sách của Trung ương cơ bản đầy đủ.

- Các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu về sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn vừa qua.

- Ngân sách nhà nước, của tỉnh, của các địa phương hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ hợp tác xã đã từng bước phát huy hiệu quả góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn đã thay đổi, xanh, sạch hơn trước.

- Các chính sách mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã đã đóng góp một phần trong thay đổi bộ mặt nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ đã tạo động lực, phát huy hiệu quả, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, nhà nước.

- Nhận thức của người dân về sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn gắn với chế biến, thị trường tiêu thụ được nâng lên.

#### **b. Khó khăn, tồn tại**

- Nguồn lực hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã còn thấp, manh mún, dàn trải.

- Quy mô của các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã nhỏ, lẻ, tự phát, chưa tập trung nhiều vào xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi.

- Việc áp dụng định mức, quy mô, nội dung hỗ trợ chưa đồng bộ mang tính chủ quan phụ thuộc vào các văn bản, chính sách của trung ương, của các chủ đầu tư.

- Các hợp tác xã nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, chưa quan tâm đến xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, bao bì nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, ứng dụng công nghệ thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, số hóa...vào trong sản xuất kinh doanh còn lúng túng, bất cập.

- Tỉnh đã ban hành các chính sách lớn như (1) chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, (2) chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (3) phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, (4) Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, (5) chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Tuy nhiên, do chưa đủ nguồn lực, các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch còn ít, manh mún nên chưa phát huy được hiệu quả của các chính sách này.

### **c. Nguyên nhân**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa thực sự quyết liệt trong vấn đề chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã.

- Tư duy sản xuất của người dân còn tự phát, phong trào, nhỏ lẻ sản xuất “cái mình có”, lạm dụng phân bón vô cơ, thuốc Bảo vệ thực vật nên chất lượng sản phẩm chưa được chú trọng.

- Một số lúc, có nơi công tác hỗ trợ còn theo phong trào, tư duy địa phương, thành tích và hoàn thành một số tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo...

- Năng lực quản trị, điều hành của các chủ thể có nhiều hạn chế vì những người có năng lực, kinh nghiệm tốt đã dịch chuyển về các đô thị, khu công nghiệp, hay chuyển sang các ngành công nghiệp và dịch vụ.

- Chi phí sản xuất nông nghiệp sạch đòi hỏi thời gian chuyển đổi đất, chi phí sản xuất lớn.

- Nhu cầu nông sản sạch với số lượng lớn, nhiều nhưng việc nhận diện sản phẩm và phân biệt sản phẩm còn gặp khó khăn do chưa có thương hiệu, nhãn mác và minh mạch trong canh tác.

- Năng lực quản lý, ứng dụng, áp dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử của nông dân, hợp tác xã thấp, chưa theo kịp xu thế thị trường, kinh tế mở, kinh tế số hiện nay.

### **d. Đề xuất, kiến nghị**

Để khắc phục được một số nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (1) ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước và (2) bố trí, cân đối ngân sách cho ngành nông nghiệp như quy định tại Điều 14 Chương III Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 /4/2018 của Chính phủ.

## **PHẦN IV**

### **MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH**

#### **1. Mục tiêu chung của chính sách**

- Xây dựng vùng nguyên liệu sạch, an toàn phục vụ mục tiêu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Sản xuất phải có quy hoạch, kế hoạch, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phải đủ lớn, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại, thương mại điện tử, công nghệ 4.0 vào trong sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư, hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm thống nhất, công khai, minh bạch và tập trung hỗ trợ thông qua các hợp tác xã nông nghiệp.

#### **2. Mục tiêu cụ thể của chính sách đến năm 2025**

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 100 lớp với 3.000 lượt người tham gia.

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho các hợp tác xã) cho khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau được xác nhận, chứng nhận sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Có thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã chăn nuôi dê, bò được Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

- Hỗ trợ khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp gồm: (Xây dựng mô hình quản lý sản xuất, cách quản lý, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, quản lý hợp tác xã, thương mại, điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin,... cho các hợp tác xã nông nghiệp).

- Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các hợp tác xã nông nghiệp 01 lần trong một chu kỳ sản xuất đối với 100 hợp tác xã tham gia mô hình sản xuất nông nghiệp sạch.

- Hỗ trợ khoảng 50 hợp tác xã tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử.

- Hỗ trợ cho 100 HTX xây dựng mô hình đầu tư giống, thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025: thành lập mới khoảng 100

hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025.

## **PHẦN V NỘI DUNG HỖ TRỢ CỦA CHÍNH SÁCH**

### **I. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn quy trình sản xuất nông nghiệp sạch, xây dựng vùng nguyên liệu (truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, mã vùng trồng...), tổ chức sản xuất, liên kết, thị trường, thương mại điện tử, bán hàng qua các kênh truyền thống, online..., sơ chế, chế biến sản phẩm cho cán bộ cấp huyện, xã, nông dân, thành viên hợp tác xã, hợp tác xã và doanh nghiệp

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** 100 lớp với khoảng 3.000 người tham gia

**4. Định mức hỗ trợ:** Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập sản xuất nông nghiệp sạch.

**5. Căn cứ thực hiện:** Điều 27 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

### **II. Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch.**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** *(Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho các hợp tác xã): đến năm 2025 hỗ trợ cho khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau được xác nhận, chứng nhận sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm).*

**2. Thời gian thực hiện:** đến năm 2025.

**3. Số lượng:** hỗ trợ khoảng 20.600 ha.

**4. Định mức hỗ trợ:** Kinh phí nhà nước hỗ trợ 100% và hỗ trợ tối đa một lần do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5. Căn cứ thực hiện:** Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

### **III. Chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn...**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** Hỗ trợ kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an



toàn... cho các trang trại, doanh nghiệp, ưu tiên hỗ trợ cho các hợp tác xã.

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** Đến năm 2025 cấp cho khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã chăn nuôi dê, bò.

**4. Định mức hỗ trợ:** Kinh phí nhà nước hỗ trợ và doanh nghiệp tham gia đối ứng.

**5. Căn cứ thực hiện:** Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

#### **IV. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp**

Nội dung, đối tượng thực hiện: Xây dựng mô hình về quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin.

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** Hỗ trợ cho 100 hợp tác xã.

**4. Định mức hỗ trợ:** Kinh phí nhà nước hỗ trợ 100% nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp tác xã và mỗi hợp tác xã được hỗ trợ tối đa một lần do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5. Căn cứ thực hiện:** Điều 27 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

#### **V. Hỗ trợ chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các hợp tác xã nông nghiệp.

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** Hỗ trợ khoảng 20.600.000 đơn vị tem, bao bì, nhãn mác sản phẩm (định mức theo quy định của từng cây trồng, vật nuôi và được tối đa 100%) và một lần do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4. Định mức hỗ trợ:** Nhà nước hỗ trợ một lần 100 % kinh phí theo quy định và các hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia đối ứng

**5. Căn cứ thực hiện:** Điều 9, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Điều 8, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

## **VI. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, thương mại điện tử**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** Hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử (10 HTX/năm x 5 năm thực hiện đến 2025)

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** hỗ trợ cho 50 hợp tác xã

**4. Định mức hỗ trợ:** Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các Chương trình xúc tiến thương mại, thương mại điện tử của tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin được cấp một lần xã do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5. Căn cứ thực hiện:** Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 08/5/2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 9/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa nông nghiệp.

## **VII. Hỗ trợ chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu.**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** Hỗ trợ xây dựng mô hình đầu tư giống, thiết bị, vật tư thiết yếu năm đầu, cụ thể:

a. Giống: Phải có nguồn gốc xuất xứ theo quy định của pháp luật về giống.

b. Thiết bị: (1) Đối với Chăn nuôi như máy trộn thức ăn, thiết bị truyền lai giống theo quy định của pháp luật chăn nuôi. (2) Trồng trọt gồm: máy cày, máy phát, máy thu hoạch, máy bơm nước, xịt thuốc theo quy định.

c. Vật tư thiết yếu gồm: Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y.

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** hỗ trợ cho 100 hợp tác xã

**4. Định mức hỗ trợ:** 100% với với địa bàn xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với các địa bàn còn lại do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5. Căn cứ thực hiện:** Điều 9, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Điều 8, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

### **VIII. Mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao.**

**1. Nội dung, đối tượng thực hiện:** Hỗ trợ chi phí gồm: Nhà màng, máy thiết bị phục vụ sản xuất, ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất.

**2. Thời gian thực hiện:** Đến 2025.

**3. Số lượng:** hỗ trợ cho 20 hợp tác xã

**4. Định mức hỗ trợ:** 40% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình

**5. Căn cứ thực hiện:** Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

## **PHẦN VI**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

#### **1. Tác động về kinh tế.**

Việc ban hành Nghị quyết mới về xây dựng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước để thực hiện tốt, hiệu quả, hiệu lực góp phần đưa Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025) vào cuộc sống, từ đó có thể làm phát sinh thêm nguồn kinh phí hỗ trợ, gánh nặng cho ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên, điều đó sẽ mang lại những tác động tích cực đến sự phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như nâng cao hiệu quả, chất lượng nông sản, giảm chi phí sản xuất trung gian cũng như quản lý, minh bạch hơn chất lượng nông sản, khắc phục tình trạng chạy theo phong trào, manh mún, thiếu quy hoạch, kế hoạch sản xuất... từ đó tập trung nguồn lực của toàn xã hội, nâng cao thu nhập cho nông dân và các hợp tác xã. Mặt khác, các doanh nghiệp cũng sẽ xây dựng được vùng nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng. Nhìn chung, giá trị kinh tế tổng thể mà chính sách mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước.

#### **2. Tác động về xã hội**

Sẽ mở ra hướng phát triển một nền nông nghiệp sạch, bền vững, sản xuất theo hướng hàng hóa bền vững; bài học chúng ta rút ra từ khi 19 tỉnh phí nam chấp hành Chỉ thị 16 của Thủ tướng chính phủ rất rõ ràng từ đó nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân, sản xuất sạch, an toàn, góp phần ổn định xã hội ở khu vực nông thôn, tiến tới thu hút nguồn lao động từ các thành phố quay trở về quê hương để sản xuất, giảm áp lực về dân số cũng như việc làm cho khu vực thành thị.

#### **3. Tác động về thủ tục hành chính**

Đề tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và rõ ràng giúp các chủ đầu tư có hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch, đơn giản, dễ thực hiện là rất cần thiết, đồng thời đảm bảo được chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan liên quan.

#### **4. Tác động đối với hệ thống pháp luật**

Trong bối cảnh chúng ta đang thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; minh bạch, công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính thì việc ban hành chính sách này là rất cần thiết và hợp lý, có ý nghĩa lớn đối với cả nông dân, các hợp tác xã, các doanh nghiệp cũng như các bên tham gia có liên quan, điều đó sẽ làm tăng tính khả thi của chính sách cũng như sự tuân thủ của các đối tượng chịu tác động trực tiếp. Mặt khác, việc ban hành chính sách này cũng hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

#### **5. Tác động riêng rẽ của từng chính sách**

Nếu được Ban chủ nhiệm 76 chấp thuận chủ trương giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì tham mưu thì Sở sẽ tổng hợp, triển khai công tác đánh giá tác động của chính sách đến các đối tượng có liên quan

### **PHẦN VII CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM ƯU TIÊN VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

#### **1. Các ngành hàng, sản phẩm ưu tiên thực hiện chính sách:**

- Ngành hàng, sản phẩm gồm: Điều. Hồ tiêu, cây ăn trái (bưởi, xoài, mít, sầu riêng, nhãn...cam, quýt), rau (ăn lá, ăn quả), lúa và chăn nuôi dê, bò.

#### **2. Dự kiến nguồn lực thực hiện:**

- Từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, phát triển hợp tác xã.

- Từ sự nghiệp nông nghiệp, khoa học công nghệ và các nguồn vốn có liên quan hàng năm của tỉnh giao cho các Sở, ngành và cấp huyện.

- Từ nguồn sự nghiệp của các Sở, ngành, UBND cấp huyện, xã.

- Từ nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân khác.

#### **3. Nguyên tắc hỗ trợ:**

- Các hợp tác xã nông nghiệp khi tham gia mô hình sản xuất nông nghiệp sạch có thể được hỗ trợ một hay tất cả các nội dung tại chính sách này nhưng không được hưởng quá 2 lần và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định mức kỹ thuật cụ thể thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các hợp tác xã phải cam kết thực hiện đúng theo các nội dung hỗ trợ, được kiểm tra giám sát theo quy định.

#### **4. Dự kiến kinh phí thực hiện:**

- Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025: 61.005.000.000 đồng, trong đó:

+ Nhà nước hỗ trợ: 45.740.000.000 đồng

+ Hợp tác xã, thành viên HTX đối ứng: 5.400.000 đồng

+ Nguồn vốn khác: 9.865.000.000 đồng.

## **PHẦN VIII NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Chính sách này được xây dựng dự kiến gồm 5 Điều, cụ thể:

### **Điều 1 Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1) Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

b) Tập trung các nguồn lực của tỉnh, địa phương và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài thực hiện nghị quyết này.

c) Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được tỉnh, trung ương quy định.

#### **2) Đối tượng áp dụng**

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) và các thành viên.

b) Doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ với hợp tác xã theo chuỗi giá trị.

#### **3) Giải thích từ ngữ**

a) Sản xuất nông nghiệp sạch là: (1) sản xuất ra sản phẩm nông sản an toàn thuộc các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 1 sản xuất cung ứng ra thị trường các sản phẩm có đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận; đảm bảo thân thiện với môi trường, sức khỏe cộng đồng và được hiểu là các loại hình sản xuất như: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, VietHGap, hữu cơ... ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, số hóa...(2) sử dụng giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với trồng trọt; giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y chăn nuôi, thủy sản được cấp có thẩm quyền cho phép, áp dụng theo quy định.

- b) Thành viên được hiểu là thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- c) Hỗ trợ hợp tác xã là tập trung nguồn lực hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch thông qua các hợp tác xã.

## **Điều 2 Nội dung hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch**

### **1) Nội dung hỗ trợ**

#### **a) Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo**

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập sản xuất nông nghiệp sạch.

#### **b) Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch**

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí để điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho các hợp tác xã, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận về nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại) giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn... cho các trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã, ưu tiên hỗ trợ cho các hợp tác xã, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **d) Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp**

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng để xây dựng mô hình quản lý sản xuất, cách quản lý, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, quản lý hợp tác xã, thương mại, điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin,... cho các hợp tác xã nông nghiệp, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **e) Chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm**

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% một chu kỳ sản xuất gồm: chi phí thiết kế, mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các hợp tác xã nông nghiệp.

#### **g) Chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu**

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (một lần) đối với địa bàn xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với địa bàn các xã còn lại,

#### **h) Chi phí thực hiện sản xuất ứng dụng công nghệ cao**

- Hỗ trợ tối đa không quá 30% chi phí gồm: Nhà màng, máy thiết bị phục vụ sản xuất, ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 2) Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi của địa phương và do Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn được ủy quyền phê duyệt theo quy định.

b) Đối với dự án có sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn xã hội hóa, nguồn khác áp dụng theo nội dung, mức hỗ trợ của nhà tài trợ quy định tại thỏa thuận tài trợ hoặc áp dụng theo mức hỗ trợ do đại diện nhà tài trợ, Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản dự án thống nhất; trường hợp đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức hỗ trợ thì áp dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

## 3) Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện.

c) Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3 Ngân sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc Nghị quyết này.**

### 1) Ngân sách nhà nước

a) Từ Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án khác từ trung ương.

b) Từ ngân sách địa phương.

### 2. Từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

**Điều 4 Giao UBND tỉnh xây dựng định mức kỹ thuật cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh để thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.**

**Điều 5 Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.**

## **PHẦN IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Sở Nông nghiệp và PTNT.**

- Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chủ trì tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ:

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng các định mức kỹ thuật cây trồng vật, nuôi thực hiện chính sách này.

- Chủ trì xây dựng và quản lý thực hiện các nội dung chính này.

- Báo cáo tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện và tham mưu đề xuất các vấn đề phát sinh (nếu có).

## **2. Sở Kế hoạch và đầu tư.**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí các nguồn vốn theo quy định để hỗ trợ hiệu quả thực hiện Đề án này

Trên cơ sở Kế hoạch, khả năng cân đối ngân sách tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét phân bổ dự toán ngân sách theo quy định.

- Tổ chức thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ phân công.

## **3. Sở Tài chính.**

- Chủ trì, cân đối, tham mưu bố trí vốn và thẩm định kế hoạch dự toán kinh phí hỗ trợ chính sách hàng năm của cấp tỉnh, huyện và tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét phân bổ dự toán ngân sách theo quy định.

- Xây dựng, ban hành và hướng dẫn công tác tài chính, thẩm định thống nhất về thời gian, thủ tục trên địa bàn tỉnh.

## **4. Sở Công thương.**

Chủ trì xây dựng, triển khai các nội dung hỗ trợ tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại, đầu tư gắn với tiêu thụ nông sản.

## **5. Chi nhánh ngân hàng nhà nước tỉnh.**

Rà soát các thủ tục hành chính tạo điều kiện, cân đối nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn của các chủ thể hỗ trợ lãi xuất theo quy định của nhà nước.

## **6. Sở Khoa học và Công nghệ.**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh triển khai, áp dụng các ứng dụng, chuyên gia tiến bộ khoa học-kỹ thuật; tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã.



## **7. UBND các huyện, thị xã, thành phố.**

- Tập trung, ưu tiên các nguồn lực của địa phương tổ chức thực hiện Đề án này theo phân cấp và triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các Sở ngành thực hiện hiệu quả Đề án này trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo UBND cấp xã chủ trì, phối hợp xây dựng các loại hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững hiệu quả đúng quy định.

## **8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các Sở, ban, ngành có liên quan và các tổ chức chính trị-xã hội.**

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của đơn vị tích cực tham gia phối hợp triển khai thực hiện, tuyên truyền vận động các hội viên tham gia sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã.

Trên đây là dự thảo đề án xây dựng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước kính gửi Ban chủ nhiệm 76 xem xét, chấp thuận.

### ***Nơi nhận:***

- TU; TTTU; TT.HDND tỉnh;
- BCN 76;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, tp;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**